

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Ngoãn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sùng Thị Dưa

Ông Tẩn A Sếnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01 /2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1991

Địa chỉ: bản Ch Ch, xã Ch N, huyện S H, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: bản Ch Ch, xã Ch N, huyện S H, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 03/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của chị Lò Thị H là Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn D sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện, đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người Thái vào khoảng tháng 6 năm 2008 tại bản ChCh, x Ch N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chị H và anh D có 02 con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và Cháu Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chồng tôi không chịu tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Kinh tế ngày càng khó khăn, gia đình chỉ một mình tôi lo lắng, nhiều khi tôi đi làm ăn xa thì chồng tôi không bằng lòng, do đó

vợ chồng tôi không có tiếng nói chung. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng chúng tôi càng ngày càng xảy ra mâu thuẫn về tình cảm mà không thể hàn gắn được. Đến khoảng tháng 9 năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng tháng 3 năm 2016 thì vợ chồng tôi sống ly thân cho đến ngày nay. Tôi và các con tôi không ở lại căn nhà mà trước đó hai vợ chồng chúng tôi đã làm, tôi dẫn các con tôi về nhà ở với bố mẹ để nuôi dạy các cháu, còn chồng tôi thì ở lại căn nhà đó. Trong thời gian ly thân thỉnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau nhưng vợ chồng chúng tôi không nói chuyện với nhau và không quan tâm với nhau. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn tôi đã nhiều lần động viên khuyên giải chồng nhưng không có kết quả. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Lò Thị H và anh Lò Văn D có 02 con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và cháu Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011. Trước khi ly hôn vợ chồng chị đã tự thỏa thuận, chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục con Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Lò Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai cũng như tại phiên tòa của bị đơn là anh Lò Văn D trình bày: Tôi và chị Lò Thị H tìm hiểu và thương yêu nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và đi đến hôn nhân nhưng thời điểm đó tôi và chị Hum không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ về chung sống với nhau và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của người Thái. Trong thời gian chung sống tôi và chị H có hai con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và cháu Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tôi không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con và ông nội. Do đó kinh tế gia đình tôi rất khó khăn vì chỉ một mình vợ tôi lo lắng. Nhiều khi tôi đi làm ăn xa thì vợ tôi cũng không bằng lòng, do đó vợ chồng chúng tôi không có tiếng nói chung. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng chúng tôi càng ngày càng xảy ra mâu thuẫn về tình cảm mà không thể hàn gắn được, từ đó hai vợ chồng tôi sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2016 cho đến ngày hôm nay. Vợ tôi và các con tôi không ở lại căn nhà mà trước đó mà vợ chồng chúng tôi đã làm. Vợ tôi dẫn các con tôi về nhà ở với bố mẹ đẻ, để tiện nuôi dạy các cháu, còn tôi thì ở lại căn nhà đó. Trong thời gian sống ly thân thỉnh thoảng vợ chồng chúng tôi thỉnh thoảng có gặp nhau nhưng vợ chồng chúng tôi không nói chuyện với nhau và cũng không quan tâm với nhau việc ai người đó làm, nay chị Hum xin ly hôn với tôi, tôi cũng đồng ý.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Lò Văn D và chị Lò Thị H có 02 con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và cháu Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011. Trước khi ly hôn vợ chồng anh chị đã tự thỏa thuận. Chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục

hai con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Lò Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh D và chị H tự thỏa thuận và không có khoản nợ chung trong thời gian chung sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, ngày 11 tháng 6 năm 2020 cháu Lò Thị Thu Th và Lò Thị Thảo Ng, trình bày: Trong cuộc sống gia đình bố, mẹ của cháu thường xuyên cãi nhau, thường gây mâu thuẫn. Mẹ cháu là Lò Thị H luôn quan tâm, chăm sóc các cháu đến cuộc sống cũng như việc học hành của các cháu tốt hơn nên các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Lò Thị H.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; của người tham gia tố tụng: Thẩm phán tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131, Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân-Viện kiểm sát nhân dân-Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị H, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị H và anh Lò Văn D. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cháu Lò Thị Thu Th và cháu Lò Thị Thảo Ng do bà Lò Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh Lò Văn D. Chị H và anh D có cùng địa chỉ nơi cư trú tại bản ChCh, xã Ch N, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến nay. Năm 2008, chị H và anh D được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Thái nhưng không đăng ký kết hôn. Chị H và anh D sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không tu chí làm ăn, anh D đi làm ăn xa nhưng không có trách nhiệm, lo lắng, chăm lo cho gia đình, vợ con. Kinh tế ngày càng khó khăn, việc gia đình, chăm sóc các cháu chỉ một mình bà H quán xuyến. Giữa Bà H và ông D không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau và không muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích về thủ tục đăng ký kết hôn và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, không công nhận chị H và anh D là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131, Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân-Viện kiểm sát nhân dân-Bộ Tư pháp.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Lò Thị H và anh Lò Văn D có 02 con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và Cháu Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011. Trước khi ly hôn vợ chồng anh chị đã tự thỏa thuận, chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu Lò Thị Thu Th, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2008 và Lò Thị Thảo Ng, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2011 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Lò Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với hai con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, ngày 11 tháng 6 năm 2020 cháu Lò Thị Thu Th và Lò Thị Thảo Ng đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lò Thị H. Do vậy yêu cầu, nguyện vọng của các cháu là có căn cứ, cần được chấp nhận. Anh Lò Văn D là người không trực tiếp nuôi các con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131, các Điều 9, 14, 15, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân - Viện kiểm sát nhân dân - Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lò Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị H và anh Lò Văn D.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cháu Lò Thị Thu Th và cháu Lò Thị Thảo Ng do chị Lò Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị H và anh D tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Ch N
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

